

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 46

00
TY
H
YOI
NAM
HÁN
NỘI
A - 1

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	
Ông Lê Đình Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Quang	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên	
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 289 UQ/ĐLS – TCKT ngày 1 tháng 7 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

Số tham chiếu: 61060845/19019183

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 9 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

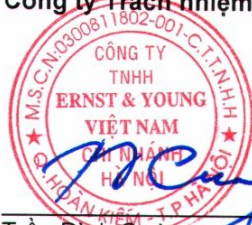


Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 15 tháng 9 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0135-2013-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		906.512.804.534	932.435.161.773
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	50.996.174.107	21.642.694.837
111	1. Tiền		4.868.174.107	21.642.694.837
112	2. Các khoản tương đương tiền		46.128.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		69.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	69.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		354.892.383.923	374.163.475.042
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	90.625.018.821	104.552.343.087
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	204.443.474.753	186.008.276.343
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	28.109.348.242	69.315.831.243
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	45.336.004.289	21.489.345.134
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(13.621.462.182)	(7.202.320.765)
140	IV. Hàng tồn kho	9	430.789.870.969	535.870.922.152
141	1. Hàng tồn kho		431.353.443.473	535.870.922.152
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(563.572.504)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		834.375.535	758.069.742
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		834.375.535	758.069.742

02-007
G TY
JHH
& YONG
T NAI
NHAN
NỘI
M - T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.503.927.465.317	1.588.106.014.917
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		17.457.045.363	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	17.457.045.363	-
220	II. Tài sản cố định		1.165.281.886.146	1.370.010.392.871
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.133.699.392.018	1.352.115.090.143
222	Nguyên giá		2.522.183.917.190	2.623.398.045.761
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.388.484.525.172)	(1.271.282.955.618)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	31.582.494.128	17.895.302.728
228	Nguyên giá		41.382.857.235	27.162.779.249
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.800.363.107)	(9.267.476.521)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		27.591.395.208	57.909.347.582
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	27.591.395.208	57.909.347.582
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	258.789.703.362	123.181.921.223
251	1. Đầu tư vào công ty con		233.506.593.886	94.506.593.886
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		36.500.000.000	47.033.790.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(26.468.036.324)	(33.609.608.463)
260	V. Tài sản dài hạn khác		34.807.435.238	37.004.353.241
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	34.807.435.238	34.312.891.200
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	2.691.462.041
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.410.440.269.851	2.520.541.176.690

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		793.426.597.033	920.003.773.532
310	I. Nợ ngắn hạn		713.422.462.082	788.619.680.194
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	54.582.630.709	57.053.332.078
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	7.146.814.600	101.095.446.250
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	9.785.605.291	6.600.756.027
314	4. Phải trả người lao động	17	3.993.656.147	6.321.754.336
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.530.040.935	16.991.123.468
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	9.812.885.590	10.813.025.694
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	598.325.827.438	568.172.817.788
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	27.245.001.372	21.571.424.553
330	II. Nợ dài hạn		80.004.134.951	131.384.093.338
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	9.808.905.093	16.720.591.150
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	2.000.000.000	56.830.000.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	68.195.229.858	57.833.502.188
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.617.013.672.818	1.600.537.403.158
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.577.381.593.742	1.556.556.598.749
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		562.164.076.532	551.866.229.432
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		135.041.105.426	124.513.957.533
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		31.668.506.997	37.342.180.229
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		103.372.598.429	87.171.777.304
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		39.632.079.076	43.980.804.409
431	1. Nguồn kinh phí	23.1	2.219.567.653	3.909.335.593
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	23.2	37.412.511.423	40.071.468.816
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.410.440.269.851	2.520.541.176.690

Người lập
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	2.025.652.396.466	1.804.721.265.048
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	1.858.056.565	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	25.1	2.023.794.339.901	1.804.721.265.048
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	1.785.682.875.809	1.570.750.637.039
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		238.111.464.092	233.970.628.009
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	10.168.511.887	15.830.464.886
22	7. Chi phí tài chính	27	28.963.772.689	45.484.947.083
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		35.472.504.140	37.173.284.811
25	8. Chi phí bán hàng	28	26.585.260.925	39.798.122.051
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	65.266.107.914	54.694.200.027
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		127.464.834.451	109.823.823.734
31	11. Thu nhập khác		1.781.007.699	1.101.747.957
32	12. Chi phí khác		6.040.530.014	8.156.577.926
40	13. Lỗ khác [40 = 31 - 32]		(4.259.522.315)	(7.054.829.969)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		123.205.312.136	102.768.993.765
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	19.832.713.707	13.597.216.461
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		103.372.598.429	89.171.777.304

178
 00N
 TN
 TĐ
 HẾT
 MÍ
 HÀ
 KIẾ

Đỗ Đình Dũng

Lê Thị Huệ



Người lập
Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017


Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		123.205.312.136	102.768.993.765
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		140.118.822.051	133.332.974.522
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		(158.858.218)	5.771.187.280
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		181.967.595	132.163.487
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(11.394.886.648)	(7.887.193.599)
06	Chi phí lãi vay	27	35.472.504.140	37.173.284.811
07	Các khoản điều chỉnh khác		14.000.000.000	6.000.000.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		301.424.861.056	277.291.410.266
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(3.949.625.047)	192.651.651.715
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		101.888.350.088	(160.949.478.480)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(102.326.822.961)	26.716.019.985
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(24.823.804.016)	5.686.230.145
14	Tiền lãi vay đã trả		(36.422.295.686)	(36.653.620.072)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30	(15.417.970.744)	(13.257.818.588)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.585.160.000	4.596.550.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.287.253.341)	(7.006.097.278)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		211.670.599.349	289.074.847.693
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(43.573.628.815)	(158.474.643.670)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.136.558.150	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(203.230.647.997)	(69.500.637.783)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		141.840.483.001	80.051.774.400
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(128.641.895.074)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.890.500.000	97.390.401.300
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.296.605.932	15.417.811.812
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(87.640.129.729)	(163.757.189.015)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.292.080.455.895	1.187.276.598.973
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.316.757.446.245)	(1.296.377.490.479)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(70.000.000.000)	(10.132.725.976)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(94.676.990.350)	(119.233.617.482)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		29.353.479.270	6.084.041.196
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		21.642.694.837	15.558.653.641
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	50.996.174.107	21.642.694.837


Người lập
Đỗ Đình Dũng


Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ


Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương



Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nài, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là: 832 (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 826).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 97,69% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 3. Theo đó, các hoạt động sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 8 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (i)	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (i)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	56,61%	56,61%	Huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh đường
6	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
7	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn (ii)	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
8	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn (iii)	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các công ty này đang trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- (ii) Đây là công ty TNHH Một thành viên do Công ty sở hữu 100% vốn góp và được thành lập để thực hiện các hoạt động trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Trong năm, Công ty đã góp vốn với tổng giá trị là 139 tỷ VND vào công ty con này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn đang trong quá trình đăng ký và xin cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với tổng vốn điều lệ được điều chỉnh tăng lên thành 139 tỷ VND.
- (iii) Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng số vốn điều lệ là 26 tỷ đồng do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp vốn điều lệ vào công ty này và công ty này chưa thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 vào ngày 15 tháng 9 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm sau.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền cụ và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

1184
CÔNG
TY
ST &
IỆT
HỊ N
HÀ
KIỂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính;
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

2-001
 TY
 H
 YOU
 NAM
 IÁNH
 HỘI
 1-T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.14 Nguồn kinh phí sự nghiệp

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	352.646.957	1.234.039.973
Tiền gửi ngân hàng	4.515.527.150	20.408.654.864
Các khoản tương đương tiền (*)	46.128.000.000	-
	50.996.174.107	21.642.694.837

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất là 5,4 %/năm.

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất là 6,5%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	84.125.957.311	101.520.810.087
- Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	66.714.186.000	8.925.000.000
- Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	-	77.151.112.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	17.411.771.311	15.444.697.587
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	6.499.061.510	3.031.533.000
TỔNG CỘNG	90.625.018.821	104.552.343.087
Dự phòng	(4.235.401.876)	(2.950.290.612)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	148.117.029.957	114.740.925.291
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân	130.818.979.117	87.241.876.087
Trả trước cho người bán khác	17.298.050.840	27.499.049.204
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 31)	56.326.444.796	71.267.351.052
TỔNG CỘNG	204.443.474.753	186.008.276.343
Dự phòng	(882.000.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.202.320.765	1.296.067.138
Tăng do sáp nhập công ty con	-	129.327.265
Dự phòng trích lập trong năm	6.419.141.417	5.776.926.362
Số cuối năm	13.621.462.182	7.202.320.765
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	4.235.401.876	2.950.290.612
<i>Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn</i>	882.000.000	-
<i>Dự phòng các khoản phải thu khác</i>	8.504.060.306	4.252.030.153

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn dưới 1 năm cho Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, một công ty con của Công ty, với mức lãi suất là 5,5%/năm để phục vụ sản xuất phân bón cung cấp cho vùng nguyên liệu. Khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty, Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn và các hộ nông dân trồng mía.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.520.952.000	-	11.552.641.754	-
Các khoản cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(4.252.030.153)
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (*)	10.139.602.634	-	-	-
Phải thu về tiền lãi dự thu	5.335.983.146	-	-	-
Phải thu Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	11.599.669.218	-	-	-
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh khác (**)	6.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	2.235.736.985	-	1.432.643.074	-
	45.336.004.289	(8.504.060.306)	21.489.345.134	(4.252.030.153)
Dài hạn				
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (*)	17.457.045.363	-	-	-
	17.457.045.363	-	-	-
TỔNG CỘNG	62.793.049.652	(8.504.060.306)	21.489.345.134	(4.252.030.153)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	11.264.147.318		12.985.284.828	
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	34.071.856.971		8.504.060.306	
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	17.457.045.363		-	

(*) Đây là giá trị góp vốn được chuyển cho Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn, một công ty con của Công ty, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh sản xuất lúa hữu cơ ký ngày 1 tháng 1 năm 2017 và bao gồm 10.139.602.634 VND là giá trị vốn góp lưu động và 17.457.045.363 VND là giá trị vốn góp dài hạn. Căn cứ theo hợp đồng này, Công ty sẽ được hoàn trả khoản vốn góp lưu động khi kết thúc mùa vụ sản xuất và khoản vốn góp dài hạn sẽ được hoàn trả đều trong vòng 10 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ được phân chia 50% lợi nhuận (nếu có) từ việc hợp tác kinh doanh này.

(**) Đây là giá trị góp vốn được chuyển cho một doanh nghiệp đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 21 tháng 11 năm 2016. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ nhận lại toàn bộ khoản góp vốn vào ngày đáo hạn của hợp đồng hợp tác kinh doanh này, mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ được phân chia lợi nhuận (nếu có) từ việc hợp tác kinh doanh này với tỉ lệ tương ứng với tỉ lệ vốn góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	335.608.179.488	-	412.479.144.318	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	31.034.395.839	(563.572.504)	31.858.724.911	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.048.825.302	-	15.224.824.086	-
Công cụ, dụng cụ	305.696.321	-	1.163.774.166	-
Hàng hóa	46.356.346.523	-	75.144.454.671	-
TỔNG CỘNG	431.353.443.473	(563.572.504)	535.870.922.152	-

Công ty đã sử dụng toàn bộ thành phẩm tồn kho làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	573.175.717.361	1.966.054.390.976	60.938.257.677	22.696.289.747	533.390.000	2.623.398.045.761
- Mua trong năm	737.067.603	26.068.477.774	2.506.945.454	41.059.998	-	29.353.550.829
- Đầu tư XDCB hoàn thành	12.048.945.455	681.129.000	-	-	-	12.730.074.455
- Điều chuyển cho công ty con (*)	(116.664.684.175)	(945.677.348)	(1.502.299.967)	(596.385.652)	-	(119.709.047.142)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(22.706.039.125)	(882.667.588)	-	-	(23.588.706.713)
Số cuối năm	469.297.046.244	1.969.152.281.277	61.060.235.576	22.140.964.093	533.390.000	2.522.183.917.190
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	199.846.663.329	545.040.805.217	42.534.728.249	19.318.624.987	-	806.740.821.782
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	210.767.394.360	986.472.458.436	52.850.193.846	20.968.142.163	224.766.813	1.271.282.955.618
- Khấu hao trong năm	20.535.176.850	119.449.258.173	2.957.721.907	502.583.738	50.369.400	143.495.110.068
- Điều chuyển cho công ty con (*)	(4.732.201.881)	(684.016.015)	(1.502.299.967)	(186.802.776)	-	(7.105.320.639)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(18.654.200.632)	(534.019.243)	-	-	(19.188.219.875)
Số cuối năm	226.570.369.329	1.086.583.499.962	53.771.596.543	21.283.923.125	275.136.213	1.388.484.525.172
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	362.408.323.001	979.581.932.540	8.088.063.831	1.728.147.584	308.623.187	1.352.115.090.143
Số cuối năm	242.726.676.915	882.568.781.315	7.288.639.033	857.040.968	258.253.787	1.133.699.392.018

(*) Đây là các tài sản được điều chuyển để góp vốn vào Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn, một công ty con của Công ty, với giá trị còn lại là 112.603.726.503 VND.

(**) Công ty đã sử dụng một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy Đường số 2 làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 19.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	4.817.702.014	13.157.797.517	9.187.279.718	27.162.779.249
- Đầu tư XDCB hoàn thành	14.220.077.986	-	-	14.220.077.986
Số cuối năm	19.037.780.000	13.157.797.517	9.187.279.718	41.382.857.235
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	468.330.818	8.799.145.703	9.267.476.521
- Hao mòn trong năm	-	237.632.566	295.254.020	532.886.586
Số cuối năm	-	705.963.384	9.094.399.723	9.800.363.107
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	4.817.702.014	12.689.466.699	388.134.015	17.895.302.728
Số cuối năm	19.037.780.000	12.451.834.133	92.879.995	31.582.494.128

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Văn phòng làm việc, nhà ở	-	21.084.077.986
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	13.339.683.931	31.451.859.237
Dự án Công viên sinh thái Thanh Tam	11.772.191.296	5.343.861.981
Các dự án khác	2.479.519.981	29.548.378
TỔNG CỘNG	27.591.395.208	57.909.347.582

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>				
	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Đầu tư vào công ty con		233.506.593.886	(4.645.925.385)	228.860.668.501		94.506.593.886	(9.374.681.403)	85.131.912.483
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công								
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	1.180.000	25.960.000.000	-	25.960.000.000	1.180.000	25.960.000.000	-	25.960.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	1.395.000	21.396.593.886	-	21.396.593.886	1.395.000	21.396.593.886	-	21.396.593.886
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	1.395.000	13.950.000.000	-	13.950.000.000	1.395.000	13.950.000.000	-	13.950.000.000
Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Văn Sơn	1.350.000	13.500.000.000	(615.980.245)	12.884.019.755	1.350.000	13.500.000.000	(815.003.425)	12.684.996.575
Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	1.140.000	11.400.000.000	(4.029.945.140)	7.370.054.860	1.140.000	11.400.000.000	(8.559.677.978)	2.840.322.022
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn (*)		8.300.000.000	-	8.300.000.000		8.300.000.000	-	8.300.000.000
		139.000.000.000	-	139.000.000.000		-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		36.500.000.000	(21.822.110.939)	14.677.889.061		47.033.790.000	(24.234.927.060)	22.798.862.940
Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển	2.150.000	21.500.000.000	(21.500.000.000)	-	2.150.000	21.500.000.000	(21.500.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	1.500.000	15.000.000.000	(322.110.939)	14.677.889.061	1.500.000	15.000.000.000	(308.807.274)	14.691.192.726
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	-	-	-	-	55.562	10.533.790.000	(2.426.119.786)	8.107.670.214
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	-	15.251.145.800		15.251.145.800	-	15.251.145.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
TỔNG CỘNG		285.257.739.686	(26.468.036.324)	258.789.703.362		156.791.529.686	(33.609.608.463)	123.181.921.223

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty con, công ty liên kết cũng như các khoản đầu tư góp vốn khác do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn bằng tài sản cố định và tài sản khác vào công ty con này với tổng giá trị vốn góp là 139 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn đang trong quá trình đăng ký và xin cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với tổng vốn điều lệ được điều chỉnh tăng lên thành 139 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

13.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	0%	46,31%
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	38,39%	38,39%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	30%	30%

(i) Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800115518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 3 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại số 25A đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh dịch vụ quản lý nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh và kinh doanh nhà kho, bến bãi. Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ cổ phần được đầu tư tại đơn vị này.

(ii) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm 30% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	34.165.773.738	20.601.289.786
Dự án tưới nước nhỏ giọt	-	3.237.165.219
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	5.754.613.076
Chi phí Dự án trồng mía giống tại Trung tâm Công nghệ cao	-	3.000.664.011
Chi phí trả trước khác	641.661.500	1.719.159.108
TỔNG CỘNG	34.807.435.238	34.312.891.200

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	46.856.170.398	46.856.170.398	36.084.624.888	36.084.624.888
- Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	6.528.829.422	6.528.829.422	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	40.327.340.976	40.327.340.976	36.084.624.888	36.084.624.888
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	7.726.460.311	7.726.460.311	20.968.707.190	20.968.707.190
TỔNG CỘNG	54.582.630.709	54.582.630.709	57.053.332.078	57.053.332.078

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.603.114.600	21.880.776.250
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lam Kinh	-	13.284.404.250
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	6.603.114.600	8.596.372.000
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	543.700.000	79.214.670.000
TỔNG CỘNG	7.146.814.600	101.095.446.250

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.145.732.504	100.236.572.060	(101.237.377.083)	144.927.481
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30)	5.180.324.850	19.832.713.707	(15.417.970.744)	9.595.067.813
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.385.022.699	(2.385.022.699)	-
Các loại thuế khác	274.698.673	3.108.128.138	(3.337.216.814)	45.609.997
TỔNG CỘNG	6.600.756.027	125.562.436.604	(122.377.587.340)	9.785.605.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.110.863.501	2.060.655.047
Chi phí hỗ trợ quỹ khuyến học vùng nguyên liệu mía	633.171.867	763.984.339
Chi phí xây dựng Dự án Trung tâm Công nghệ cao	75.911.721	6.136.942.545
Chi phí hỗ trợ vùng nguyên liệu	-	4.119.660.543
Các khoản chi phí phải trả khác	710.093.846	3.909.880.994
TỔNG CỘNG	2.530.040.935	16.991.123.468

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015/2016	2.234.355.000	-
Kinh phí công đoàn	1.260.187.868	1.403.493.837
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	774.601.080	1.329.061.412
Phải trả công ty con do điều chuyển tài sản cố định	-	4.983.000.443
Các khoản phải trả khác	5.543.741.642	3.097.470.002
	9.812.885.590	10.813.025.694
Dài hạn		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2011	7.720.591.150	7.720.591.150
Phải trả tiền mua cổ phần	858.313.943	7.900.000.000
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động	1.230.000.000	1.100.000.000
	9.808.905.093	16.720.591.150
TỔNG CỘNG	19.621.790.683	27.533.616.844
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	18.763.476.740	14.650.616.401
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	-	4.983.000.443
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	858.313.943	7.900.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	527.412.817.788	527.412.817.788	1.291.730.455.895	(1.222.147.446.245)	596.995.827.438	596.995.827.438
Vay ngắn hạn đối tượng khác (*)	980.000.000	980.000.000	350.000.000	-	1.330.000.000	1.330.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	37.780.000.000	37.780.000.000	18.890.000.000	(56.670.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	-
	568.172.817.788	568.172.817.788	1.310.970.455.895	(1.280.817.446.245)	598.325.827.438	598.325.827.438
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	56.830.000.000	56.830.000.000	-	(56.830.000.000)	-	-
Vay dài hạn đối tượng khác (**)	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	56.830.000.000	56.830.000.000	2.000.000.000	(56.830.000.000)	2.000.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	625.002.817.788	625.002.817.788	1.312.970.455.895	(1.337.647.446.245)	600.325.827.438	600.325.827.438

(*) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Quỹ khuyến học của Công ty căn cứ theo các hợp đồng vay ngày 17 tháng 10 năm 2013, ngày 4 tháng 11 năm 2014 và ngày 12 tháng 11 năm 2016 với số tiền tương ứng là 800 triệu đồng, 180 triệu đồng và 350 triệu đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất là 6,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 12 tháng 10 năm 2017. Lãi vay được trả tại ngày đáo hạn của khoản vay.

(**) Đây là khoản vay dài hạn từ Công đoàn Công ty theo Hợp đồng số 01/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2017 (thay thế cho hợp đồng cũ số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2020 và có lãi suất là 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	467.306.917.999	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 9 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 26 tháng 1 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,2%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	54.026.588.031	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 23 tháng 9 năm 2017. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,0%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thanh Hóa	16.312.321.408	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 11 năm 2017. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,1%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	59.350.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 27 tháng 10 năm 2017. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,8%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác
<u>596.995.827.438</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	21.571.424.553	69.316.517.197
Điều chuyển sang Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	(42.164.074.443)
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 22)	10.297.847.100	2.000.000.000
Giảm khác	-	(1.644.693.437)
Sử dụng quỹ trong năm	(4.624.270.281)	(5.936.324.764)
Số cuối năm	27.245.001.372	21.571.424.553

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	57.833.502.188	53.586.790.173
Trích lập quỹ trong năm	14.000.000.000	6.000.000.000
Nhận bàn giao quỹ KHCV từ Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	-	1.006.666.850
Sử dụng quỹ trong năm	(3.638.272.330)	(2.759.954.835)
Số cuối năm	68.195.229.858	57.833.502.188
<i>Trong đó:</i>		
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19.721.560.671	16.078.330.428
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	48.473.669.187	41.755.171.760

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số dư đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	565.360.841.491	33.808.664.274	1.479.345.917.549
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	89.171.777.304	89.171.777.304
- Hoàn nhập quỹ về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	(13.494.612.059)	13.494.612.059	-
- Chia cổ tức còn lại của năm 2014	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Tăng khác	-	-	-	538.903.896	538.903.896
Số dư cuối năm	700.000.000.000	180.176.411.784	551.866.229.432	124.513.957.533	1.556.556.598.749
Năm nay					
Số dư đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	551.866.229.432	124.513.957.533	1.556.556.598.749
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	103.372.598.429	103.372.598.429
- Chia cổ tức	-	-	-	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.297.847.100)	(10.297.847.100)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.297.847.100	(10.297.847.100)	-
- Thưởng Ban điều hành	-	-	-	(2.234.355.000)	(2.234.355.000)
- Giảm khác	-	-	-	(15.401.336)	(15.401.336)
Số dư cuối năm	700.000.000.000	180.176.411.784	562.164.076.532	135.041.105.426	1.577.381.593.742

Việc chia cổ tức và phân phối lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 19 tháng 10 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.176.411.784	180.176.411.784	-
TỔNG CỘNG	880.176.411.784	880.176.411.784	-	880.176.411.784	880.176.411.784	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Tăng vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>700.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	70.000.000.000	10.132.725.976

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015 - 2016: 10.000 VND).

22.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

22.5 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015/2016	70.000.000.000	-
Cổ tức cho năm 2014	-	10.500.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm (*)	56.000.000.000	42.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.5 Cổ tức (tiếp theo)

(*) Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty số 500 NQ/2016/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 10 năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 800 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 316 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2017.

23. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

23.1 Nguồn kinh phí

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.909.335.593	549.973.593
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	9.585.160.000	4.596.550.000
Chi trong năm	(11.274.927.940)	(1.237.188.000)
Số cuối năm	2.219.567.653	3.909.335.593

23.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	40.071.468.816	83.334.664
Tài sản điều chuyển nguồn từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	42.164.074.443
Sử dụng trong năm	(2.658.957.393)	(2.092.605.627)
Giảm khác	-	(83.334.664)
Số cuối năm	37.412.511.423	40.071.468.816

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND) (*)	187.465.634.602	29.167.000.000
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	3.256	1.157
- Euro (EUR)	335	105

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là giá trị của 12.976 tấn đường được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	2.025.652.396.466	1.804.721.265.048
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.461.678.408.969	1.279.299.042.493
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	517.249.681.857	485.412.488.095
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	46.724.305.640	40.009.734.460
Các khoản giảm trừ doanh thu		-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.858.056.565)	-
Doanh thu thuần	2.023.794.339.901	1.804.721.265.048
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm</i>	1.459.820.352.404	1.279.299.042.493
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	517.249.681.857	485.412.488.095
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	46.724.305.640	40.009.734.460
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	452.304.030.955	191.743.171.425
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác</i>	1.571.490.308.946	1.612.978.093.623

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.486.146.578	6.124.926.812
Cổ tức, lợi nhuận được chia	146.442.500	9.292.885.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	179.212.809	379.902.348
Lãi thanh lý khoản đầu tư	3.356.710.000	32.750.726
TỔNG CỘNG	10.168.511.887	15.830.464.886

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.226.596.120.838	1.055.588.433.823
Giá vốn của hàng hóa đã bán	516.006.894.278	476.328.232.708
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.079.860.693	38.833.970.508
TỔNG CỘNG	1.785.682.875.809	1.570.750.637.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	35.472.504.140	37.173.284.811
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	2.517.030.000
Lỗ do sáp nhập công ty con	-	5.013.588.213
Lỗ chênh lệch tỷ giá	361.180.404	786.783.141
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(7.141.572.139)	(5.739.082)
Chi phí tài chính khác	271.660.284	-
TỔNG CỘNG	<u>28.963.772.689</u>	<u>45.484.947.083</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	8.138.284.566	7.076.994.203
Chi phí vận chuyển	7.260.930.000	22.112.253.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.862.890.857	8.562.423.523
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.559.858.229	1.523.873.371
Chi phí bán hàng khác	1.763.297.273	522.577.335
	<u>26.585.260.925</u>	<u>39.798.122.051</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	16.977.445.644	15.539.472.536
Trích lập quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	14.000.000.000	6.000.000.000
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6.307.739.397	5.760.979.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.738.295.566	15.470.076.589
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.242.627.307	11.923.670.909
	<u>65.266.107.914</u>	<u>54.694.200.027</u>
TỔNG CỘNG	<u>91.851.368.839</u>	<u>94.492.322.078</u>

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.038.034.993.355	1.003.622.119.884
Chi phí nhân công	45.216.824.809	53.546.797.765
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	135.583.126.976	126.484.106.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.871.844.567	47.831.712.453
Chi phí khác	39.773.597.049	43.529.569.451
TỔNG CỘNG	<u>1.287.480.386.756</u>	<u>1.275.014.305.841</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Công văn số 676/CT-TTHT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa kể từ năm tài chính 2015 trở đi. Công ty cũng được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của Xí nghiệp Cơ giới. Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, thuế suất thuế TNDN là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	123.205.312.136	102.768.993.765
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí khấu hao vượt mức quy định hiện hành	534.922.512	334.922.510
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (nhà máy còn và nhà máy đường số 1)	4.535.695.075	6.848.868.233
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	213.000.000	288.000.000
Chi phí không được khấu trừ khác	424.095.913	1.119.028.313
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(146.442.500)	(9.292.885.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	128.766.583.136	102.066.927.821
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	13.297.629.424	-
Thu nhập chịu thuế suất 15%	113.866.508.002	102.025.893.019
Thu nhập được miễn thuế	1.602.445.710	41.034.802
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	19.739.502.085	15.303.883.953
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.180.324.850	3.307.565.544
Điều chỉnh giảm thuế TNDN do chênh lệch tạm thời của những năm trước	(227.542.713)	(1.706.667.492)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	320.754.335	1.533.361.433
Thuế TNDN đã trả trong năm	(15.417.970.744)	(13.257.818.588)
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 16)	9.595.067.813	5.180.324.850

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Mua cổ phần	-	16.725.503.674
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	54.375.642.482	41.446.768.034
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	7.900.000.000
		Điều chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12.024.686.500	-
		Cung cấp dịch vụ	3.150.731.140	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	72.699.510.928	56.526.287.287
		Sử dụng dịch vụ	11.572.340.772	10.640.404.029
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	104.487.904.813	69.500.637.783
		Thu hồi gốc vay	141.918.043.000	80.051.774.400
		Lãi vay phải thu	3.828.524.813	3.788.583.783
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	2.700.000.000
		Mua phân bón	208.811.000	851.997.000
Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	13.301.281.582	38.149.788.842
		Bán công cụ, dụng cụ	3.340.918.250	-
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	Công ty con	Mua đường	150.895.714.286	92.572.476.192
		Bán tài sản cố định	6.456.433.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Góp vốn bằng tài sản cố định	112.603.726.503	-
		Góp vốn bằng tài sản khác	26.396.273.497	-
		Mua nguyên vật liệu	3.530.418.518	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	50.483.747.533	51.181.928.773
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường	452.304.030.955	191.743.171.425
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Mua nguyên vật liệu	5.404.702.573	19.433.800.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và mua hàng đối với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 5.712.831.653 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Cho vay không lãi suất	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty Cổ phần mía đường Nông Công	Công ty con	Bán tài sản cố định	3.577.458.510	109.930.000
			6.499.061.510	3.031.533.000
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i>				
Công ty Cổ phần mía đường Nông Công	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	24.675.740.000	31.484.218.650
		Tạm ứng tiền mua đường	1.400.000.000	-
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	15.028.824.224	1.447.973.291
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	14.339.880.572	6.074.602.235
Hiệp hội mía đường Lam sơn	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền sản xuất	-	5.404.702.573
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	-	25.973.854.303
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
			56.326.444.796	71.267.351.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	28.109.348.242	69.315.831.243
			28.109.348.242	69.315.831.243
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Các khoản chi hộ	11.599.669.218	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	10.139.602.634	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	3.828.524.813	-
			34.071.856.971	8.504.060.306
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	17.457.045.363	-
			17.457.045.363	-
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Phải trả chi phí dịch vụ	4.489.125.150	10.705.957.070
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	Công ty con	Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	3.237.335.161	
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	Công ty con	Phải trả tiền mua đường	-	10.262.750.120
			7.726.460.311	20.968.707.190
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	543.700.000	79.214.670.000
			543.700.000	79.214.670.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</i>				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải trả về điều chuyển Nhà máy gạch	-	4.983.000.443
			-	4.983.000.443
<i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)</i>				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải trả về mua cổ phần	858.313.943	7.900.000.000
			858.313.943	7.900.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	4.214.876.416	3.656.904.299
TỔNG CỘNG	4.214.876.416	3.656.904.299

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 97,69% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có cam kết góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, với tổng số tiền là 26 tỷ VND.

Các cam kết liên quan đến chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có cam kết khoảng 3 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG




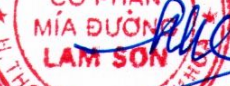
Một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được Công ty phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng năm nay. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (được phân loại lại)
07	Các khoản điều chỉnh khác	-	6.000.000.000	6.000.000.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn chủ sở hữu	271.291.410.266	6.000.000.000	277.291.410.266
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	32.716.019.985	(6.000.000.000)	26.716.019.985

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Như được trình bày tại Thuyết minh số 22.5, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 800 VND/cổ phiếu. Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 này.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Người lập: Đỗ Đình Dũng Kế toán trưởng: Lê Thị Huệ Tổng Giám đốc: Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 15 tháng 9 năm 2017